TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/DS-ST.
Ngày 26 - 6 – 2019.
"T*/c hợp đồng góp hụi* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA -TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Nhị.
2. Ông Bùi Mạnh Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST–DS ngày 04/01/2019 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-DS ngày 13/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu K, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp 5, xã X, huyện Y, tỉnh Long An. (*có mặt*)

Bị đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp 5, xã X, huyện Y, tỉnh Long An. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu K trình bày: Vào ngày 05/4/2017, bà K có mở và làm chủ dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng bỏ thăm một lần, hụi đầu thảo và có lãi, bà Phạm Thị X có tham gia 02 phần, dây hụi có 32 phần. Ngày 05/5/2017 là kỳ mở thăm lần đầu tiên, bà X hốt hụi được số tiền 22.500.000 đồng (bỏ phiêu 250.000 đồng hốt được 750.000 đồng/01 phần hụi), bà K có làm giấy giao kèo hụi và giao cho bà Phạm Thị X đủ số tiền 22.500.000 đồng, bà X có ký và ghi tên bà X. Mặt sau của giấy giao kèo hụi có ghi nội dung: "*Hụi tất cả 32 phần, trừ cô 8 X 02 phần còn 30 phần bỏ 250.000đ* x *30p = 22.500.000đ*", tuy nhiên do bà Phạm Thị X không đóng tiền vào đầu thảo nên tính thực tế hụi có tổng 31 phần. Sau khi hốt hụi bà X có góp lại 09 kỳ hụi chết rồi bỏ luôn đến nay không góp nữa, dây hụi còn đang thực hiện và đến tháng 11/2019 mới kết thúc. Tính đến thời điểm làm đơn kiện thì bà K đã nộp thay phần hụi của bà X 10 kỳ với số

tiền là 10.000.000 đồng để giao cho người khác được nhận hụi. Do đó nay bà K khởi kiện yêu cầu bà X phải trả số tiền bà K đã nộp thay 10 kỳ hụi là 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 19/6/2019, bị đơn là bà Phạm Thị X trình bày: Trước đây bà X có tham gia hụi do bà K làm chủ nhưng đã thực hiện xong, còn dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 05/4/2017 do bà Phạm Thị Thu K làm chủ thì bà X không tham gia. Bà X không nhận số tiền 22.500.000 đồng bà K giao theo giấy giao kèo hụi ghi ngày 11/5/2017 có chữ ký và viết tên bà X ở mục người nhận tiền. Bà X cho rằng bà K tự trừ tiền hụi vào tiền này, tiền kia và không giao tiền cho bà, vì vậy bà X không đồng ý hoàn trả tiền hụi mà bà K góp thay, bà X đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của bà trong giấy giao kèo hụi ngày 11/5/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa bà Phạm Thị Thu K với bà Phạm Thị X là tranh chấp hợp đồng góp hụi. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm giao kết hợp đồng góp hụi Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ đang có hiệu lực thi hành nên được áp dụng để giải quyết tranh chấp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/6/2019, bị đơn là bà Phạm Thị X có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà trong tờ Giao kèo hụi có ghi ngày 11/5/2017, Hội đồng xét xử đã tạm dừng phiên tòa và thông báo cho bà X biết trong thời hạn 05 ngày, bà X có yêu cầu giám định thì phải nộp đơn yêu cầu giám định kèm theo tài liệu là chữ viết, chữ ký của bà để làm mẫu so sánh và nộp tạm ứng chi phí giám định, hết thời hạn thông báo bà X không thực hiện thì Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa để xét xử vụ án. Ngày 26/6/2019, Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa để xét xử vụ án mặc dù đã được thông báo nhưng bà X không có mặt, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là bà X.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu K: Theo lời trình bày của bà K và tài liệu bà K cung cấp như Giấy giao kèo hụi, Biên bản hòa giải ngày 11/3/2018 của Tổ hòa giải ấp 5 - xã Nhị Thành thể hiện vào ngày 05/4/2017, bà K mở và làm chủ dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng bỏ thăm hốt hụi một lần, hụi đầu thảo và có lãi. Dây hụi có 31 phần, bà Phạm Thị X tham gia 01 phần và bà X hốt hụi ngay kỳ mở thăm lần đầu tiên là ngày 05/5/2017 với số tiền là 22.500.000 đồng. Sau đó bà X có góp lại 09 kỳ hụi chết rồi ngưng đến nay không góp nữa, hụi còn đang thực hiện đến tháng 11/2019 mới kết thúc. Việc bà X không góp các kỳ hụi theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Do bà X không góp hụi nên bà K phải nộp thay bà X để giao cho

hụi viên khác được lãnh hụi, tính đến tháng 12/2018 thì bà K đã nộp thay bà X 10 kỳ hụi với số tiền là 10.000.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị X không thừa nhận có tham gia dây hụi do bà K làm chủ mở ngày 05/4/2017, hụi 1.000.000 đồng mỗi tháng bỏ thăm hốt hụi một lần. Ba X cũng không thừa nhận có nhận tiền hụi theo giấy Giao kèo hụi ghi ngày 11/5/2017. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/6/2019, bà X đề nghị cho giám định chữ ký, chữ viết của bà trong tờ Giao kèo hụi do bà K cung cấp, Hội đồng xét xử đã tạm dừng phiên tòa thời hạn 05 ngày để bà X thực hiện thủ tục yêu cầu giám định. Tuy nhiên, sau khi dừng phiên tòa bà X không làm đơn, cung cấp tài liệu và tạm ứng chi phí để tiến hành giám định. Bà X không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là bà không nhận số tiền hụi 22.500.000 đồng vào ngày 11/5/2017 và không có tham gia dây hụi 1.000.000 đồng do bà K làm chủ mở ngày 05/4/2017. Trong khi đó tại Biên bản hòa giải ngày 11/3/2018 của Tổ hòa giải ấp 5 - xã X, bà K yêu cầu bà X trả các phần hụi mà bà K đã góp thay thì bà X thừa nhận và hứa đóng hàng tháng vào ngày 9 tây. Như vậy, căn cứ vào giấy Giao kèo hụi ngày 11/5/2017, Biên bản hòa giải ngày 11/3/2018 cho thấy yêu cầu khởi kiện của bà K là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ có quy định: "*2. Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả...*". Vì vậy, buộc bà X phải hoàn trả cho bà K số tiền hụi đã góp thay đến kỳ khui thăm tháng 12 năm 2018 là 10 kỳ hụi, với số tiền là 10.000.000 đồng. Về tiền lãi, do bà K không có yêu cầu nên không X xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà X phải chịu toàn bộ tiền án phí là 500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 13, khoản 3 Điều 16 và khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu K đối với bà Phạm Thị X.

Buộc bà Phạm Thị X phải hoàn trả bà Phạm Thị Thu K số tiền nộp thay 10 kỳ hụi, tính đến kỳ khui thăm tháng 12/2018 của dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 4 năm 2017 là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị X phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả bà Phạm Thị Thu K 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001580 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

4. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/6/2019, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- THADS huyện Thủ thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Quốc Tiến